

Bảo tồn di sản văn hóa trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước & hội nhập quốc tế

Phạm Mai Hùng

DI SẢN VĂN HÓA BAO GỒM DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ/VÔ HÌNH VÀ DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ/HỮU HÌNH LÀ SẢN PHẨM TINH THẦN, VẬT CHẤT CÓ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HÓA, ĐƯỢC LƯU TRUYỀN LẠI TỪ THẾ HỆ NÀY QUA THẾ HỆ KHÁC, LÀ TÀI SẢN VÔ GIÁ, GẮN KẾT CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC, LÀ CỐT LÕI CỦA BẢN SẮC DÂN TỘC, CƠ SỞ ĐỂ SÁNG TẠO NHỮNG GIÁ TRỊ MỚI VÀ GIAO LƯU VĂN HÓA.

Những văn bản pháp qui của Nhà nước

Chỉ tính từ năm 2001 tới nay, khi Luật Di sản Văn hóa được Quốc hội thông qua ngày 29-6-2001, có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-2002, chúng ta đã:

1. Xây dựng được hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý thống nhất để bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa.

2. Sau khi Luật Di sản văn hóa được công bố và có hiệu lực, một hệ thống các văn bản dưới luật đã được ban hành như: Nghị định ngày 11-11-2002 của Chính

phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa; Nghị định ngày 8-7-2005 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước; Quyết định ngày 23/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng Việt Nam đến năm 2020; Quyết định ngày 20-4-2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng tư nhân ở Việt Nam đến năm 2020; Chỉ thị ngày 18-2-2002 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ cổ vật trong các

di tích và ngăn chặn đào bới, trục vớt trái phép di sản khảo cổ học; Thông tư ngày 19-2-2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin hướng dẫn thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Quyết định ngày 24-7-2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa-Thông tin phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020; Quyết định ngày 6-2-2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin về việc ban hành Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh; Quyết định ngày 24-2-2004

► Các cổ vật: Tượng Phật A di đà chùa Phật Tích và Tượng Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhân chùa Bút Tháp được xếp hạng là bảo vật Quốc gia.

Hồ sơ các di sản văn hóa được xếp hạng là nguồn tài liệu lịch sử quan trọng, đồng thời là cơ sở khoa học và pháp lý để tỉnh Bắc Ninh xây dựng và triển khai thực hiện các dự án bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, tiêu biểu như dự án bảo tồn, phát huy giá trị Dân ca Quan họ, các dự án bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích: Văn Miếu Bắc Ninh, khu di tích đền Đô (Đình Bảng), chùa Dâu, lăng và đền thờ Kinh Dương Vương, đền thờ Thái sư-Trạng nguyên khai hoa Lê Văn Thịnh, chùa Tam Sơn, đình Đáp Cầu, đền Rồng...

Công tác điều tra, sưu tầm, tập hợp và nghiên cứu các di sản văn hóa, tập trung là các nguồn tài liệu và cổ vật được cán bộ bảo tàng tỉnh kiên trì

thực hiện đã đem lại kết quả to lớn. Hàng nghìn tài liệu, hiện vật, hình ảnh về các giai đoạn lịch sử, về các danh nhân, về các loại hình di sản văn hóa quê hương Bắc Ninh-Kinh Bắc được sưu tầm, phát hiện, nghiên cứu, thống kê, phân loại và bảo quản. Đây là cơ sở quan trọng nhất cho việc xây dựng và hoạt động có hiệu quả của Bảo tàng tỉnh, cơ quan bảo quản, lưu giữ các di sản văn hóa, đồng thời là cơ quan nghiên cứu và truyền bá các giá trị di sản văn hóa tới đông đảo công chúng.

Những kết quả trên khẳng định thành tựu to lớn của hoạt động nghiên cứu lịch sử, văn hóa của tỉnh Bắc Ninh trong thời gian qua đã gắn bó chặt chẽ với bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, thiết thực góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa của tỉnh Bắc Ninh. ■

của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của bảo tàng tư nhân; Quyết định ngày 1-4-2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin về việc ban hành Định mức dự toán bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh; Quyết định ngày 15-9-2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin về việc ban hành Quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch ban hành Quy chế về tiêu chuẩn, trách nhiệm của cán bộ và người thực hành bảo quản hiện vật bảo tàng; Quyết định ngày 30-12-2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ; Chỉ thị ngày 3-11-2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch về tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo nhằm thúc đẩy sự ra đời, phát triển của các bảo tàng và sưu tập tư nhân.

Sau 10 năm tổ chức tuyên truyền, thực thi Luật Di sản Văn hóa, xét thấy Luật đã bộc lộ những hạn chế nhất định, do đó theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, tại kỳ họp thứ 5 ngày 18-6-2009, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa. Sau khi Luật được công bố, Chính phủ đã ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa (21-9-2010), ban hành Quyết định về việc thành lập Hội đồng Di sản Văn hóa Quốc gia (22-11-2004) và quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Di sản Văn hóa quốc gia (19-8-2010). Quyết định chọn ngày 23 tháng 11 hàng năm là Ngày Di sản Văn hóa Việt Nam.

Thực thi trách nhiệm là cơ quan quản lý Nhà nước về di sản văn hóa quốc gia, Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch đã ban hành các

văn bản dưới luật sau đây: Thông tư của Bộ VVH-TT-DL quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; Thông tư của Bộ VH-TT-DL quy định trình tự thủ tục công nhận bảo vật quốc gia; Thông tư của Bộ VH-TT-DL quy định về tổ chức và hoạt động của bảo tàng [công lập và ngoài công lập]; Thông tư của Bộ VH-TT-DL quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh; Thông tư của Bộ VH-TT-DL quy định về điều kiện thành lập và hoạt động của cơ sở giám định cổ vật.

Di sản văn hóa phi vật thể

Từ kết quả nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, chúng ta được biết hiện tại cả nước có 3335 làng nghề và làng có nghề. Trong số đó có trên 1.000 làng được công nhận là làng nghề, trên 400 làng được công nhận là làng nghề truyền thống, 7.966 lễ hội trong đó có 7.039 lễ hội dân gian/truyền

thống (chiếm 88,36%), 332 lễ hội lịch sử - cách mạng (chiếm 4,17%), 544 lễ hội tôn giáo (chiếm 6,29%), 10 lễ hội du nhập từ nước ngoài (chiếm 0,13%), còn lại 41 lễ hội dân gian/truyền thống, lễ hội lịch sử, tôn giáo là những lễ hội có lịch sử lâu đời và ẩn chứa các giá trị cổ kết và biểu dương sức mạnh cộng đồng, giá trị hướng về cội nguồn, giá trị cân bằng cuộc sống tâm linh, giá trị sáng tạo - hưởng thụ văn hóa. Nhiều truyện cổ tích, truyện dân gian, trường ca, cao dao, tục ngữ... được nghiên cứu, sưu tầm, xuất bản và quảng bá sâu rộng trong đời sống văn hóa của cộng đồng. Về ngôn ngữ, ngoài chữ Hán, chữ Nôm, chữ Latinh (quốc ngữ) mà chúng ta đã biết đến nay còn biết thêm chữ Thái cổ, chữ Chăm cổ...

Tại kho tàng đồ sộ của di sản văn hóa phi vật thể, bước đầu chúng ta đã lập hồ sơ di sản sáu di sản văn hóa phi vật thể gửi UNESCO để xem xét và vinh danh, và đều được UNESCO biểu quyết với số phiếu thuận tuyệt đối. Đó là: Nhạc cung đình Việt Nam-Nhã nhạc (triều Nguyễn

Hội thảo khoa học: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Bình Than - Nguyệt Bàn, Gia Bình, Bắc Ninh. Ảnh: Hồng Ánh



1802-1945)-Kiệt tác di sản phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại (2003)-Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2008); Không gian văn hóa công điền Tây Nguyên-Kiệt tác di sản phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại (2005)-Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2008); Dân ca quan họ Bắc Ninh-Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2009); Hát ca trù-Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp (2009); Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc-Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2010); Hát xoan Phú Thọ-Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp (2011)... Và đang chuẩn bị trình Thủ tướng Chính phủ ký, ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “nghệ sĩ nhân dân”, “nghệ sĩ ưu tú”, lực lượng nòng cốt trong việc bảo tồn, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể cho thế hệ trẻ.

Xếp hạng di tích và đầu tư bảo tồn di tích

Về xếp hạng di tích: Đến nay cả nước có 3.203 di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch xếp hạng là di tích quốc gia. Trong số đó có 34 di tích được Chính phủ xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt, 7 trong số các di tích quốc gia đặc biệt đã được UNESCO vinh danh là di sản văn hóa, di sản thiên nhiên thế giới. Đó là: Quần thể di tích cố đô Huế (1993), vịnh Hạ Long (1994, 2000), khu phố cổ Hội An (1999), khu di tích Chăm-Mỹ Sơn (1999), vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng (2003), khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long-Hà Nội (2010), thành nhà Hồ-Thanh Hóa (2011). 6.636 di tích được các tỉnh, thành phố trong phạm vi cả nước xếp hạng là di tích cấp tỉnh, thành phố.

Về đầu tư tu bổ di tích: Về

cơ bản, hoạt động tu bổ di tích đã từng bước đi vào nề nếp và tuân thủ chặt chẽ hơn các quy định của pháp luật (đối với các dự án các cơ quan Nhà nước trực tiếp quản lý) và cho dù đất nước ta còn nhiều khó khăn, chịu tác động lớn của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, song để đạt được mục tiêu ngăn chặn có hiệu quả tình trạng xuống cấp của hệ thống các di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng và nguy cơ mất mát, thất truyền vĩnh viễn di sản văn hóa phi vật thể, nâng cao tính bền vững, đảm bảo sự tồn tại lâu dài của hệ thống di sản này, tạo ra những sản phẩm đặc thù có giá trị phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân; giáo dục truyền thống và phát triển du lịch, Nhà nước vẫn đầu tư ổn định cho việc chống xuống cấp và tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa. Chẳng hạn, từ năm 2006 đến 2010, Nhà nước đã đầu tư 1.510.470 triệu đồng từ ngân sách đầu tư phát triển (1.235.000 triệu đồng) và ngân sách sự nghiệp (275.470 triệu đồng) hỗ trợ tu bổ, tôn tạo 627 di tích thông qua chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa là 748,6 tỷ đồng, trong đó vốn sự nghiệp là 210,5 tỷ đồng, vốn đầu tư phát triển là 508,1 tỷ đồng. Ngoài ra cũng đã huy động được hàng ngàn tỷ đồng từ các nguồn hợp pháp khác bổ sung cho việc thực hiện các mục tiêu nói trên.

Phát huy vai trò Bảo tàng

Đến nay, cả nước có 140 bảo tàng, trong đó có 123 bảo tàng công lập, 17 bảo tàng ngoài công lập/bảo tàng tư nhân. Các bảo tàng đã có nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm, có chuyển biến rõ rệt trong đầu tư ngân sách mua các bộ sưu tập hiện vật quý hiếm như: Bảo tàng Dân tộc học, Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử Quân sự, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia và

nhiều bảo tàng tỉnh, thành phố, nhờ đó nâng tổng số hiện vật từ 1.997.701 đơn vị lên 2.510.000 đơn vị hiện vật; chỉnh lý, nâng cấp các phần trưng bày cố định theo hướng tập trung giới thiệu các sưu tập hiện vật gốc phản ánh những nét đặc trưng của lịch sử văn hóa địa phương, tăng cường nội dung trưng bày về đời sống văn hóa của cộng đồng, chú trọng việc khai thác, giới thiệu những di sản văn hóa phi vật thể, tổ chức trình diễn văn hóa phi vật thể tại bảo tàng, đa dạng hóa các hình thức trưng bày và ứng dụng tin học vào trưng bày, thu hút ngày càng đông khách tham quan trong và ngoài nước, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Hợp tác quốc tế

Năm 2005, Việt Nam là một trong 30 quốc gia đầu tiên ký văn bản gia nhập công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể năm 2003 của UNESCO, năm 2002 có 5 đơn vị trong ngành bảo tàng tham gia Hội đồng bảo tàng thế giới (ICOM), phối hợp với Văn phòng UNESCO tại Hà Nội, ICOM, SPAFA, SIDA tổ chức các chương trình, dự án, hội thảo, các lớp tập huấn chuyên đề cho các cán bộ làm công tác bảo tàng ở Việt Nam.

Về bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể đã triển khai các chương trình hợp tác với văn phòng UNESCO tại Hà Nội, với Quỹ Ford, Quỹ SIDA của Thụy Điển, cộng đồng người Bỉ nói tiếng Pháp, với Viện Smithsonian (Hoa Kỳ) các dự án như: Hành trình văn hóa, Làng nghề thủ công, Mê Kông dòng sông kết nối các nền văn hóa, Bảo tồn không gian văn hóa công điền Đắk Nông, tập huấn và làm phim tư liệu di sản văn hóa phi vật thể...

Về bảo tồn di tích đã thực hiện chương trình hợp tác với Nhật Bản về điều tra nhà ở dân gian truyền thống, giúp chúng ta điều tra trên 4.000 ngôi nhà ở các tỉnh Bắc Ninh, Nam Định, Nghệ An,

Lạng Sơn, Hà Nội, Thừa Thiên-Huế, Quảng Ngãi, Tiền Giang. Thông qua kết quả điều tra, 6 ngôi nhà tại 6 tỉnh được Chính phủ Nhật đầu tư tu sửa, tôn tạo, nâng cao ý thức cộng đồng trong việc bảo tồn các ngôi nhà truyền thống. Chính phủ Nhật còn đầu tư xây dựng nhà trưng bày cho khu di tích Mỹ Sơn bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển (ODA), UNESCO, Quỹ Leici Foundation của Italia hỗ trợ và trực tiếp giúp đỡ tu bổ tháp G (Mỹ Sơn). Dự án “Hỗ trợ phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển bền vững của Việt Nam thông qua du lịch di sản” của tổ chức JICA (Nhật Bản) đã được thực hiện tại ba làng cổ Đường Lâm (Hà Nội), Phước Tích (Thừa Thiên-Huế), Đông Hòa Hiệp (Tiền Giang). Sự hỗ trợ của UNESCO cho bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hóa (vật thể, phi vật thể) và thiên nhiên thật sự có hiệu quả.

Về hoạt động của các bảo tàng: Nhà nước cho phép đưa hiện vật ra nước ngoài nhằm bảo quản và tạo điều kiện cho các bảo tàng Việt Nam trưng bày các sưu tập có giá trị ở nước ngoài để góp phần quảng bá, giới thiệu về đất nước, con người, về di sản văn hóa Việt Nam với các nước như: Triển lãm “Kho tàng nghệ thuật Việt Nam-Điêu khắc Chăm” tại Pháp (10-2005); Triển lãm “Hành trình văn hóa qua các làng gốm cổ truyền vùng đông bắc châu thổ sông Hồng” tại Bỉ, Hoa Kỳ; Triển lãm “Con đường tơ lụa trên biển-Đồ gốm sứ từ những con tàu đắm ở biển Việt Nam” tại Trung Quốc (2008); Triển lãm “Nghệ thủ công truyền thống và văn hóa Việt Nam”, “Từ sông Hồng đến sông Mê Kông” tại Hàn Quốc (2010); Triển lãm “Nghệ thuật cổ Việt Nam” tại Hoa Kỳ (9-2009)...

Những vấn đề còn tồn tại

Phải ghi nhận rằng những kết quả đạt được như đã nêu ở trên trong lĩnh vực bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa (cả

vật thể lẫn phi vật thể) là rất to lớn, cứu vãn được nhiều di tích lịch sử, văn hóa bị xuống cấp trầm trọng, có nguy cơ bị thất truyền, quên lãng; góp phần giáo dục ý thức cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm của các chủ thể vừa sáng tạo, vừa bảo tồn, vừa hưởng thụ di sản văn hóa; quảng bá, giới thiệu di sản văn hóa của dân tộc với thế giới. Tuy nhiên, do sự phá hoại nghiêm trọng của điều kiện tự nhiên, do hành động vô thức hoặc hữu thức của con người, do khả năng ngân sách hạn hẹp, do sự non kém về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ dẫn tới tình trạng nhiều di sản bị xâm hại và đã được phản ánh khá dày đặc và thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ta không phủ nhận những cố gắng bảo vệ di tích của ngành văn hóa, nhưng rõ ràng số di tích bị hủy hoại lớn hơn nhiều số di tích được bảo vệ. Nhiều di tích đã được xếp hạng cũng đang bị vi phạm hay xuống cấp, đó là chưa kể nhiều di tích được trùng tu tôn tạo không đúng khoa học (cũng chính là tác nhân tạo nên sự hủy hoại di tích). Ở đất nước này, sự phá hoại di tích của thiên nhiên còn thua xa sự phá hoại của con người... Chúng ta đang phải đối mặt với các mâu thuẫn sau đây:

- Mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển, quá trình đô thị hóa dồn dập với yêu cầu bảo vệ nguyên trạng di tích lịch sử văn hóa.

- Mâu thuẫn giữa nhu cầu thực tiễn của ngành bảo tồn bảo tàng với khả năng đầu tư ngân sách hạn hẹp của Nhà nước.

- Mâu thuẫn giữa nhu cầu khoa học ngày càng cao của công tác bảo tồn di tích với khả năng của cán bộ bảo tồn bảo tàng còn hạn chế.

Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, tổ chức xã hội-nghề nghiệp của những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy lịch sử luôn coi việc bảo tồn di sản văn

hóa nói chung, bảo vệ di tích lịch sử văn hóa nói riêng vừa là trách nhiệm, vừa là nghĩa vụ của mình. Trước thực trạng hàng loạt các di tích lịch sử văn hóa bị xuống cấp, bị xâm hại, năm 1998, Hội đã tổ chức Hội thảo khoa học “Bảo vệ di tích lịch sử trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” tại Hà Nội, phối hợp với Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo-Diễn đàn khoa học với chủ đề “Sử học Việt Nam trước nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc”. Qua hai cuộc hội thảo nói trên, Hội đã góp phần tích cực vào việc lý giải nguyên nhân dẫn tới tình trạng các di tích bị xuống cấp, bị hủy hoại và đề xuất các giải pháp góp phần vượt qua các mâu thuẫn, góp phần tạo nên những thành tựu nói trên của sự nghiệp bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc.

Không ít điểm nóng đã gây lo âu cho xã hội và trở thành những vấn đề thời sự của báo chí - ba mâu thuẫn trong sự nghiệp bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hóa chưa thể vượt qua - tại hội thảo lần này, Hội chủ trương: Đây không phải là diễn đàn phản ánh đơn thuần tình trạng vi phạm di tích mà là diễn đàn phản ánh cần tập trung trí tuệ đã phân tích kỹ hơn những nguyên nhân (khách quan, chủ quan) dẫn đến việc chậm khắc phục tình trạng xâm hại tới di tích, di sản và quan trọng hơn cả là tìm ra được các giải pháp tối ưu cho Đảng, Nhà nước nói chung, cho ngành văn hóa nói riêng trong việc khắc phục được các mâu thuẫn trên con đường thực thi trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc trong bối cảnh công nghiệp hóa hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. ■